TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 17 - 01 - 2019
V/v ly hôn, con chung
và chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương
Bà Hoàng Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thủy - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLPT- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung". Do bản án sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2019/QĐ-PT ngày 07/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Võ Văn Th, sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
- *Bị đơn:* Chị Võ Thị H, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
+ Quỹ tín dụng nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang C – Giám đốc
Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;
+ Ông Võ Văn G và bà Nguyễn Thị M
Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt (ông G, bà M có đơn đề nghị xử vắng mặt);

- *Người có kháng cáo*: Bà Võ Thị H là bị đơn trong vụ án, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ tình cảm: Anh Võ Văn Th và chị Võ Thị H tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q vào ngày 09 tháng 11 năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau trong kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên tranh cải và đánh nhau làm cho tình cảm lạnh nhạt dần, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh Th thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Th xin được ly hôn, chị H cũng nhất trí.

Về con chung: Anh Võ Văn Th, chị Võ Thị H thừa nhận vợ chồng có bốn con chung: Võ Thị Th, sinh ngày 07/01/2006; Võ Thị Thùy Tr, sinh 24/6/2008; Võ Thị Trà M, sinh 23/5/2011 và Võ Văn Đ, sinh ngày 27/10/2014.

Sau khi ly hôn anh Th có nguyện vọng được nuôi cả 04 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H cũng có nguyện vọng xin được nuôi cả 04 con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Th không đồng ý thì chị xin nuôi hai con chung Võ Thị Th và Võ Văn Đ.

Về tài sản chung: Anh Võ Văn Th và chị Võ Thị H thừa nhận vợ chồng có 01 ngôi nhà đổ bằng làm năm 2008; 01 ngôi nhà tạm cấp 4 lợp ngói bố mẹ làm cho mượn ở từ năm 2004, giá trị nhà khoảng 200.000.000đồng; nhà làm trên diện tích đất 178,5m^2, tại thửa đất số 615, tờ bản đồ số 12 (trong đó 110m^2 đất ở và 68,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác) bố mẹ Th mua từ năm 1994 trước khi vợ chồng anh chị kết hôn, thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 546558 ngày 15 tháng 12 năm 2011 mang tên vợ chồng anh chị; 01 tủ lạnh; 01 ti vi; 01 xe máy; 01 tủ đựng áo quần; 01 giường ngũ và 01 máy bơm nước.

Về nợ chung: Vợ chồng anh Th, chị H thừa nhận: Nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã A 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); anh Th trình bày vợ chồng còn nợ của bố mẹ anh Th (ông Võ Văn G và bà Nguyễn Thị M) 13.000.000 đồng; nợ chị gái Võ Thị H 01 chỉ vàng giá 3.700.000 đồng; chị H trình bày nợ mẹ đẻ chị là bà ngoại Võ Thị V 06 chỉ vàng, em gái chị H 10.000.000 đồng, nợ lân đạm của Lê Trung Đ 10.000.000 đồng, nợ chị Võ Thị B 1.500.000 đồng, nợ Võ Doãn Ch 3.000.000 đồng. Sau khi ly hôn anh Th và chị H đều có nguyện vọng sở hữu toàn bộ nhà, đất và sẽ có trách nhiệm

trả toàn bộ số nợ trên, anh Th cho rằng nếu chị H không đồng ý thì anh đề nghị để lại toàn bộ nhà đất cho các con vợ chồng không chia tài sản.

Tại biên bản tự khai ngày 02 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Quang C đại diện Quỹ tín dụng nhân dân xã A trình bày: Anh Võ Văn Th và chị Võ Thị H có vay tại Quỹ tín dụng nhân dân xã A số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 16260/HĐTD ngày 07/6/2016 thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay chăn nuôi heo, tu sửa nhà ở, chuồng trại. Tài sản thế chấp đảm bảo vốn vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền sử dụng đất mang tên anh Võ Văn Th, chị Võ Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH54655.Trong quá trình vay vốn, anh Th chị H đã sử dụng đúng mục đích nhưng do chăn nuôi gặp rủi ro chưa thu hồi được vốn nên Quỹ tín dụng cho gia hạn nợ đến ngày 06/7/2018 phải trả hết, nhưng đến nay chị H đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ gốc 50.000.00 đồng. Hiện nay, anh Th, chị H xin ly hôn Quỷ tín dụng xã An Ninh đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Th, chị H trả toàn bộ tiền nợ vay đến hạn và lãi phát sinh trước khi cho ly hôn nếu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung, vì tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là toàn bộ nhà và đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Th, chị H nên không thể chia đôi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 9 năm 2018, bà Nguyễn Thị M là mẹ của anh Võ Văn Th trình bày: Bà và ông Võ Văn G là bố mẹ đẻ của Võ Văn Th. Năm 1994, vợ chồng bà có mua 01 thửa đất mà hiện nay anh Th, chị H đã làm nhà ở, vợ chồng bà đã làm phần dưới (móng) nhà lớn và 01 ngôi nhà cấp 4 trước khi anh Th, chị H kết hôn. Năm 2012 anh Th, chị H xin vợ chồng bà chuyển quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông bà sang tên anh Th, chị H để vay vốn làm ăn. Nếu vợ chồng anh Th, chị H sống chung hạnh phúc thì ông bà sẽ cho, còn nếu vợ chồng ly hôn thì giao lại cho Võ Văn Th quản lý để sau này cho 04 cháu, vợ chồng ông bà không nhất trí chia tài sản nhà, đất cho chị H. Đối với tài sản anh Th, chị H làm ra thì chia đôi. Do già yếu, đau ốm không thể đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ - ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Võ Văn Th ly hôn chị Võ Thị H.

Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử giao cháu Võ Thị Th, sinh ngày 07/01/2006 và Võ Văn Đ, sinh ngày 27/10/2014 cho chị Võ Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Võ Thị Thùy Tr, sinh 24/6/2008 và Võ Thị Trà M, sinh 23/5/2011 cho anh Võ Văn Th trực tiếp

chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về chia tài sản chung: Áp dụng các điều 29, 33, 35, 59, 60, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 134, 203 của Luật đất đai. Xử giao cho anh Võ Văn Th được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng:

Nhà ở đổ bằng 236.606.000đồng; nhà bếp lợp ngói 19.827.600 đồng; nhà vệ sinh 2.444.400 đồng; chuồng lợn 1.941.600 đồng; giếng nước 1.950.000 đồng; sân 3.612.500 đồng; diện tích đất 178,5 m^2 (đất ở 110m^2, đất trồng cây hàng năm khác 68,5m^2) tại thửa đất số 615, tờ bản đồ số 12 được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 546558 ngày 15 tháng 12 năm 2011 mang tên Võ Văn Th và Võ Thị H có giá 21.510.500 đồng; 01 ti vi NIKEN 300.000 đồng. Tổng cộng 288.192.600 đồng, nhưng phải có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã A 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 16260/HĐTD ngày 07/6/2016; có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản cho chị H 134.996.300 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng). Giá trị tài sản còn lại anh Th được nhận 103.196.300 đồng (một trăm linh ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng).

Xử giao cho chị Võ Thị H được sở hữu 01 chiếc xe máy YAMAHA mua trả góp giá 15.200.000 đồng; 01 tủ lạnh AQUA 3.000.000 đồng; nhận tiền chênh lệch tài sản từ anh Th 134.996.300 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng). Tổng cộng chị H được nhận 153.196.300 đồng (một trăm năm mươi ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng).

Về đất sản xuất nông nghiệp: Công nhận sự thỏa thuận của anh Võ Văn Th và chị Võ Thị H. Giao cho anh Th sản xuất thửa đất ruộng cạn có số thửa 732, tờ bản đồ số 11, diện tích 945m^2; chị H sản xuất thửa đất ruộng sâu có số thửa 186, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.243m^2. Các đương sự tiến hành các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Võ Văn Th và chị Võ Thị H, chị H chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 1.600.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên buộc chịu lãi suất chậm trả, quyền yêu cầu thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho đương sự theo luật định.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 chị Võ Thị H là bị đơn trong vụ án kháng cáo Bản án sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ ngày 10/10/2018 của Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình về phần tài sản chung: Chị H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao nhà ở, tài sản sản khác và quyền sử dụng đất cho chị được sở hữu, sử dụng, chị xin chuyển giá trị ½ tài sản cho anh Th.

Tại phiên toà phúc thẩm chị Võ Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, anh Võ Văn Th vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về các nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Võ Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tài sản. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Võ Văn Th hỗ trợ sau ly hôn cho chị Võ Thị H 50.000.000 đồng. Anh Th, chị H là hộ cận nghèo nên miễn toàn bộ án cho các đương sự

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngày 10 tháng 10 năm 2018, Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm vụ án số 12/2018/HNGĐ - ST về việc " Ly hôn" giữa anh Võ Văn Th và chị Võ Thị H; ngày 15 tháng 10 năm 2018 Toà án nhận được đơn kháng cáo của chị Võ Thị H với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc giải quyết giao nhà ở, tài sản sản khác và quyền sử dụng đất cho chị được sở hữu, sử dụng, chị xin chuyển giá trị ½ tài sản cho anh Th. Đơn kháng cáo của chị H làm trong hạn luật định đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của chị H để xét xử.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Võ Văn Th và chị Võ Thị H đều thừa nhận thửa đất số 615 (11b), tờ bản đồ số 12 có diện tích 178,5m ^{2} và nhà ở cấp 4 tại thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình là của bố mẹ anh Th (ông G, bà M) mua từ năm 1994 trước khi anh Th, chị H kết hôn với nhau 10 năm.

[3] Tại biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 9 năm 2018 bà Nguyễn Thị M thừa nhận: Năm 2012, anh Th chị H xin ông bà chuyển quyền sử dụng đất tại thửa đất số 615 (11b), tờ bản đồ số 12 có diện tích 178,5m ^{2} tại thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình từ tên ông bà sang tên anh Th, chị H được ông bà chấp thuận, sau đó ông bà đã ký các văn bản để UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất mang tên anh Th, chị H. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác đã xác định thửa đất nêu trên là tài sản chung của anh Th, chị H là có căn cứ.

[4] Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh Th, chị H thừa nhận thửa đất và nhà ở cấp 3 của anh chị không thể chia đôi được, vì nhà ở và các công trình phụ trợ đã xây dựng hết toàn bộ diện tích thửa đất. Mặt khác, nếu chia đôi nhà ở theo chiều dọc thửa đất sẻ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu ngôi nhà; trường hợp chia ngang thửa đất sẻ ảnh hưởng đến kết cấu ngôi nhà và phần ở phía sau không có đường đi vào, ra đường giao thông liên thôn .

[5] Việc chị Võ Thị H xin được sở hữu nhà ở và toàn bộ diện tích thửa đất của vợ chồng là chính đáng, song Hội đồng xét xử thấy nguồn gốc diện tích thửa đất trên là của bố mẹ anh Th mua trước khi anh Th, chị H kết hôn và ông G, bà M có nguyện vọng lấy lại diện tích thửa đất, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử giao diện toàn bộ diện tích thửa đất và nhà ở cho anh Th sở hữu là phù hợp. Vì thế kháng cáo đề nghị được sở hữu nhà ở và toàn bộ diện tích thửa đất của chị H không được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Võ Văn Th tự nguyện hỗ trợ sau khi ly hôn cho chị Võ Thị H 50.000.000 đồng, việc hỗ trợ của anh Võ Văn Th là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ tình cảm, quan hệ con cái, nợ chung của vợ chồng, chi phí tố tụng, đất sản xuất nông nghiệp và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí: Chị Võ Thị H và anh Võ Văn Th là hộ cận nghèo có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q nên miễn toàn bộ các loại án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59, Điều 60 và Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; tiết 3 điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị H về phần tài sản chung.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;

- Anh Võ Văn Th được quyền sở hữu, sử dụng: 01nhà ở đổ bằng giá 236.606.000 đồng; 01 nhà cấp 4 lợp ngói giá 19.827.600 đồng; 01 nhà vệ sinh giá 2.444.400 đồng; 01chuồng heo giá 1.941.600 đồng; 01 giếng nước giá 1.950.000 đồng; 01 sân giá 3.612.500 đồng; diện tích đất 178,5 m^2 (đất ở 110m^2, đất trồng cây

hàng năm khác 68,5m^2) tại thửa đất số 615, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã A, được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 546558 ngày 15 tháng 12 năm 2011 mang tên Võ Văn Th và Võ Thị H có giá 21.510.500 đồng; 01 ti vi NIKEN 300.000 đồng. Tổng cộng 288.192.600 đồng, nhưng anh Võ Văn Th phải có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã A, huyện Q 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 16260/HĐTD ngày 07/6/2016; trả tiền chênh lệch tài sản cho chị Võ Thị H 134.996.300 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng). Giá trị tài sản còn lại anh Th được nhận 103.196.300 đồng (một trăm linh ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng).

- Chị Võ Thị H được sỡ hữu 01 chiếc xe máy YAMAHA mua trả góp giá 15.200.000 đồng; 01 tủ lạnh AQUA giá 3.000.000 đồng; nhận tiền chênh lệch tài sản từ anh Thế 134.996.300 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng). Tổng cộng chị H được nhận 153.196.300 đồng (một trăm năm mươi ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng).

3. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Võ Văn Th hổ trợ sau khi ly hôn cho chị Võ Thị H 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ tình cảm, quan hệ con cái, nợ chung của vợ chồng, chi phí tố tụng, đất sản xuất nông nghiệp và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí: Chị Võ Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị Võ Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004654 ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Tuyên bố: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 17/01/2019.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa